

Số: 07/2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 16 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của quy định thu nộp, quản lý sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định 10/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của quy định thu nộp, quản lý sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên

trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

“1. Việc nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này, được thực hiện sau khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai.

2. Việc lập bản kê khai nghĩa vụ nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp thực hiện theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

a) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng công trình, dự án hoặc mục đích khác; Chủ đầu tư của các Dự án mà nhà nước thực hiện thủ tục thu hồi đất để chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện Dự án; Chủ đầu tư của các Dự án là các tổ chức kinh tế tự thực hiện mua bán, chuyển nhượng, tự thỏa thuận,... quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án (*Tổ chức kinh tế*).

b) Thông tin cơ sở để lập bản kê khai:

Việc thu thập số liệu để lập bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ:

- Đối với các đối tượng là Hộ gia đình, cá nhân; Tổ chức kinh tế thông qua quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích của cơ quan có thẩm quyền và thông tin đất đai qua hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Đối với đối tượng Chủ đầu tư của các Dự án mà nhà nước thực hiện thủ tục thu hồi đất căn cứ theo số liệu của kết quả thực tế công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất.

c) Thụ lý hồ sơ, thẩm định, giải quyết:

Trường hợp bản kê khai không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, cơ quan tài nguyên và môi trường phải hướng dẫn cho người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung, hoàn thiện và nộp lại bản kê khai.

Trường hợp bản kê khai hợp lệ, trong 05 ngày làm việc, cơ quan tài nguyên và môi trường có văn bản xác nhận rõ diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp.

3. Sau khi có văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cơ quan tài nguyên và môi trường, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gửi

hồ sơ đến cơ quan tài chính của địa phương đề nghị xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị xác nhận số tiền phải nộp theo mẫu quy định tại Phụ lục IV (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc Phụ lục V (đối với hộ gia đình, cá nhân) của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cơ quan tài nguyên và môi trường.

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, cơ quan tài chính địa phương phải hướng dẫn cho người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung, hoàn thiện và nộp lại hồ sơ.

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc, cơ quan tài chính địa phương căn cứ vào văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của cơ quan tài nguyên và môi trường, xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp và thông báo cho người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

4. Căn cứ theo thông báo số tiền phải nộp để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, trong vòng 30 ngày đối với người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và trong vòng 03 tháng đối với các cơ quan, tổ chức làm thủ tục nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách cấp tỉnh (Tài khoản số 7111, hạch toán mục thu khác 4900, tiểu mục 4914). Trường hợp quá thời hạn nộp theo công văn của cơ quan tài chính địa phương, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Sau khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất có trách nhiệm gửi 01 bộ hồ sơ có liên quan đến số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách nhà nước đến cơ quan Tài nguyên và môi trường các cấp để thực hiện thủ tục bàn giao đất, đăng ký đất đai, ký hợp đồng thuê đất, tham mưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

6. Hàng quý (chậm nhất sau 05 ngày của tháng đầu quý sau), cơ quan tài chính và cơ quan tài nguyên môi trường có trách nhiệm tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu các trường hợp có chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp theo mẫu số 02 kèm theo Quyết định này.

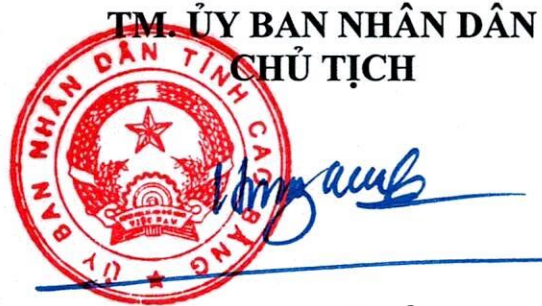
7. Số tiền người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp không được tính đối trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất của dự án được giao, mà được tính vào chi phí đầu tư của dự án.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 02 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cao Bằng, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lv*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, PCVP;
- Trung tâm Thông tin – VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NĐ. *lv*



Hoàng Xuân Ánh